

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2017/KDTM-PT

Ngày 28-12-2017

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Ngọc Hoàng Đình Thục

Các Thẩm phán:

Bà Lê Thị Kim Nga

Bà Huỳnh Thị Hồng Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy An – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Kiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 22/TLPT-KDTM ngày 19 tháng 10 năm 2017.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 19/2017/KDTM-ST ngày 11/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 26/2017/QĐ-PT ngày 07 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn I (sau đây gọi tắt là Ngân hàng I).

Địa chỉ trụ sở chính: Nguyễn Văn T, Phường 12, Quận P, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông J – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

1. Ông Quách Chấn N – Chức vụ: Phó Phòng Pháp chế - Hội sở của Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn I. Địa chỉ liên lạc: Nguyễn Văn T, Phường 12, Quận P, Thành phố H.

2. Ông Thạch Hoàng N1 – Chức vụ: Trưởng Phòng Quản lý tín dụng – Chi nhánh C. Địa chỉ liên lạc: Phường 11, Quận 5, Thành phố H.

- *Bị đơn*: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại và Sản xuất K (sau đây gọi tắt là Công ty K).

Địa chỉ trụ sở: Ấp 5, xã Đ, huyện Đ, tỉnh L.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phương Định H – Chức vụ: Giám đốc công ty.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Chung Huệ C, sinh năm 1977. Địa chỉ liên lạc: Đường T, phường H, quận T, Thành phố H.

- *Người kháng cáo*: Nguyên đơn Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn I.

(Ông N, ông N1, bà T có mặt tại phiên tòa. Các đương sự còn lại vắng mặt.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/12/2012, Nguyên đơn là Ngân hàng I trình bày:

Ngày 06/8/2010, Công ty K có ký hợp đồng tín dụng vay của Ngân hàng I số tiền 71.000.000.000 đồng (bảy mươi một tỷ đồng) gồm các khoản vay như sau:

1. Vay ngắn hạn: Hợp đồng tín dụng số 524/0312/STL/6266326 ngày 21/03/2012 số tiền vay là 13.000.000.000 đồng, mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Công ty K không trả gốc, lãi cho Ngân hàng I.

2. Vay vốn luân chuyển: Hợp đồng tín dụng số 451/0811/CL/6266326 ngày 12/08/2011, số tiền vay là 15.000.000.000 đồng, Công ty K còn nợ 14.627.772.016 đồng.

3. Vay dài hạn 1: Hợp đồng tín dụng số 319/0810/LTL/6266326 ngày 06/8/2010 và Phụ lục hợp đồng tín dụng số 319/0810/LTL/6266326 - PLHĐTD ngày 21/03/2012, số tiền vay là 30.000.000.000 đồng, Công ty K còn nợ 23.571.432.000 đồng.

4. Vay dài hạn 2: Hợp đồng tín dụng số 332/0910/LTL/6266326 ngày 06/09/2010 và Phụ lục hợp đồng tín dụng số 332/0910/LTL/6266326-PLHĐTD ngày 21/03/2012, số tiền vay là 26.000.000.000 đồng, Công ty K còn nợ 3.401.500.000 đồng và 218.000 USD.

Tính đến ngày 30/11/2012, Công ty K còn nợ Ngân hàng I các khoản gồm: Nợ gốc là 54.600.704.016 đồng và 218.000 USD, trong đó nợ gốc quá hạn là 13.720.772.016 đồng. Lãi quá hạn: 4.565.161.447 đồng và 5.517,4 USD. Lãi phạt: 735.397.058 đồng và 275,9 USD. Tổng cộng các khoản nợ là 59.901.262.521 đồng và 223.793,3 USD.

Để đảm bảo trả nợ vay, Công ty K có thể chấp các tài sản gồm:

Giấy chứng nhận QSD đất số T00117-QSDĐ/717-LA do UBND tỉnh L cấp ngày 12/08/2004 cho Công ty K.

Hợp đồng thế chấp và tài sản gắn liền với đất số 319/0810/6366236 - HĐTC ngày 06/8/2010 của Công ty K.

Phụ lục hợp đồng thế chấp số 319/0810/6266326-HĐTC-PL02 ngày 12/08/2011.

Phụ lục hợp đồng thế chấp số 319/0810/6266326-HĐTC-PL03 ngày 21/03/2013.

Giá trị xây dựng: Nhà xưởng, hệ thống xử lý nước thải và các công trình khác trên đất theo các giấy tờ sau:

Giấy chứng nhận QSH công trình xây dựng số 808022798218209 do UBND tỉnh L cấp ngày 02/06/2008 và các chứng từ khác liên quan.

Hợp đồng thế chấp QSD đất và tài sản gắn liền với đất số 319/0810/6366326-HĐTC ngày 06/8/2010.

Phụ lục hợp đồng thế chấp số 319/0810/6266326-HĐTC-PL 02 ngày 12/08/2011.

Phụ lục hợp đồng thế chấp số 319/0810/6266326-HĐTC –PL 03 ngày 21/03/2013.

02 dây chuyền máy in: theo các hồ sơ liên quan (tờ khai hải quan, chứng nhận xuất xứ, kiểm định...).

Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 333/0910/6366326-HĐTC – 01 ngày 07/3/2011.

Phụ lục hợp đồng thế chấp số 333/0910/6366326-HĐTC – 01-PL 01 ngày 21/3/2012.

Ngân hàng I yêu cầu Công ty K trả cho Ngân hàng I 59.141.208.016 đồng tiền gốc (đã quy đổi 218.000USD theo tỷ giá 20.828 đồng/USD) và 10% tiền phí tranh chấp theo Điều 9 của hợp đồng tín dụng trên số nợ đến hạn chưa thanh

toán và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng từ ngày 01/06/2012 cho đến nay.

Bị đơn là Công ty K do bà Nguyễn Thị Bích H làm đại diện trình bày:

Bà thừa nhận Công ty K có vay số tiền gốc là 71.000.000.000 đồng và thế chấp tài sản để đảm bảo trả nợ vay cho Ngân hàng I như đại diện Ngân hàng I trình bày, đồng thời xác nhận số nợ gốc là 59.141.208.016 đồng và tiền lãi chưa thanh toán kể từ ngày 01/06/2012 cho đến nay. Công ty K đồng ý trả nợ nhưng hện đến tháng 12/2014.

Quá trình giải quyết vụ án:

Tại bản án số 10/2013/KDTM-ST ngày 17/4/2013 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh L đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng I. Buộc Công ty K phải trả cho Ngân hàng I số tiền gốc 59.141.208.016 đồng, tiền lãi là 10.334.259.420 đồng, chi phí thu nợ, tranh tụng 6.947.546.744 đồng. Tổng cộng là 76.423.014.180 đồng. Kể từ ngày 18/04/2013, Công ty K vẫn phải chịu lãi suất phát sinh thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi trả hết số nợ cho Ngân hàng I.

Ngân hàng I phải trả lại cho Công ty K các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, các giấy tờ chứng minh quyền sở hữu tài sản của Công ty K đã thế chấp cho Ngân hàng sau khi Công ty K trả xong nợ.

Ngân hàng I được quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản mà Công ty K đã thế chấp để thi hành án nếu như Công ty K không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không đầy đủ.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 26/4/2013, Công ty K kháng cáo.

Tại Bản án phúc thẩm số 16/2013/KDTM-PT ngày 23/7/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh L đã quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty K.

Sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 10/2013/KDTM-ST ngày 17/4/2013 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh L.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng I.

Buộc Công ty K phải trả cho Ngân hàng I số tiền gốc 59.141.208.016 đồng, tiền lãi là 10.334.259.420 đồng, chi phí thu nợ, tranh tụng 3.473.773.372 đồng.

Tổng cộng là 72.949.240.808 đồng. Kể từ ngày 18/04/2013, Công ty K vẫn phải chịu lãi suất phát sinh thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi trả hết số nợ cho Ngân hàng I. Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền được yêu cầu phát mãi các tài sản thế chấp và quyền yêu cầu thi hành án.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 37/2016/KDTM-GĐT ngày 29/7/2016 của Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Chấp nhận một phần Kháng nghị số 23/2014/KN-KDTM ngày 06/8/2014 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Hủy một phần Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 16/2013/KDTM-PT ngày 23/7/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh L và một phần Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 10/2013/KDTM-ST ngày 17/4/2013 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh L về vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” giữa nguyên đơn là Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn I và bị đơn là Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại và Sản xuất K về phần phạt trên số tiền lãi, phạt trên số tiền gốc, 10% phí thu nợ, phí tranh tụng. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh L xét xử sơ thẩm lại đối với phần quyết định này theo đúng quy định của pháp luật.

Phần còn lại của Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 16/2013/KDTM-PT ngày 23/7/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh L tiếp tục phát sinh hiệu lực thi hành.

Ngày 15/3/2017, Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh L thụ lý lại vụ án.

Ngày 04/5/2017, Ngân hàng I nộp lại tạm ứng án phí.

Ông Quách Chấn N đại diện cho Ngân hàng I yêu cầu Công ty K phải thanh toán cho Ngân hàng tổng cộng 3.498.159.180 đồng, gồm các khoản sau: Tiền lãi là 2.898.159.180 đồng, trong đó tiền phạt trên số tiền lãi là 354.377.762 đồng và tiền phạt trên số tiền gốc là 2.543.781.418 đồng; Phí thu hồi nợ, phí tranh tụng là 600.000.000 đồng. Kể từ ngày 18/4/2013, Công ty K còn phải chịu lãi suất phát sinh theo thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng cho đến khi trả xong hết nợ.

Vụ án được Tòa án cấp sơ thẩm hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 19/2017/KDTM-ST ngày 11/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ đã quyết định: *Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn I về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại và Sản xuất K. Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và việc thi hành án theo quy định của pháp luật.*

Ngày 14/9/2017, nguyên đơn Ngân hàng I kháng cáo. Ngày 18/9/2017, Ngân hàng I nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Quách Chấn N trình bày: Bản án phúc thẩm số 16/2013/KDTM-PT ngày 23/7/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh L đã được tổ chức thi hành án một phần, cụ thể: Toàn bộ tài sản mà Công ty K thế chấp cho Ngân hàng để đảm bảo trả nợ vay theo các hợp đồng tín dụng đã được Cục Thi hành án dân sự tỉnh L tổ chức bán đấu giá, thu được 75.587.000.000 đồng (bảy mươi lăm tỷ năm trăm tám mươi bảy triệu đồng) và đã chuyển khoản cho Ngân hàng 02 đợt: Ngày 27/04/2017 chuyển 66.327.150.529 đồng; Ngày 17/11/2017 chuyển 6.384.008.701 đồng, tổng cộng là 72.711.159.230 đồng (bảy mươi hai tỷ bảy trăm mười một triệu một trăm năm mươi chín ngàn hai trăm ba mươi đồng). Vì vậy, khi Tòa án nhân dân huyện Đ thụ lý lại vụ án, Ngân hàng chỉ yêu cầu Công ty K tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng số tiền phạt còn nợ, gồm tiền phạt trên số tiền nợ gốc và tiền phạt trên số tiền lãi. Thực chất, tiền phạt trên số tiền nợ gốc chính là tiền lãi tính trên số tiền nợ gốc quá hạn; Tiền phạt trên số tiền lãi chính là tiền lãi của số tiền lãi trong hạn vi phạm thời hạn trả nợ. Đến thời điểm hiện nay, Ngân hàng I và Công ty K đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án, cụ thể:

Công ty K đồng ý thanh toán cho Ngân hàng I số tiền lãi tính đến ngày 17/4/2013, gồm các khoản:

Tiền phạt trên số tiền nợ gốc: 2.543.781.415 (hai tỷ năm trăm bốn mươi ba triệu bảy trăm tám mươi một ngàn bốn trăm mười lăm) đồng.

Tiền phạt trên số tiền lãi: 354.377.762 (ba trăm năm mươi bốn triệu ba trăm bảy mươi bảy ngàn bảy trăm sáu mươi hai) đồng.

Công ty K đồng ý thanh toán cho Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn I tiền phạt trên số tiền gốc và tiền phạt trên số tiền lãi phát sinh từ ngày 18/4/2013 đến ngày 24/3/2017 (là ngày người mua tài sản đấu giá được bàn giao tài sản) theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Số tiền còn lại do thu được từ việc bán đấu giá các tài sản mà Công ty K đã thế chấp cho Ngân hàng, sau khi trừ các chi phí theo quy định của Luật Thi hành án dân sự và hiện nay Cục Thi hành án dân sự tỉnh L đang tạm quản lý sẽ được dùng để thi hành án cho Ngân hàng.

Ngân hàng I rút yêu cầu khởi kiện về việc đòi Công ty K trả số tiền phí tranh tụng là 550.000.000 đồng.

Án phí sơ thẩm: Ngân hàng sẽ chịu trên số tiền đã rút yêu cầu khởi kiện. Công ty K sẽ chịu trên số tiền phải trả cho Ngân hàng.

Án phí phúc thẩm: đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ông T thống nhất toàn bộ nội dung trình bày của ông Q.

Bà Chung Huệ T trình bày: Bà đồng ý việc Ngân hàng rút một phần yêu cầu khởi kiện đòi Công ty K thanh toán chi phí tố tụng là 550.000.000 đồng. Công ty K thống nhất với toàn bộ trình bày và yêu cầu còn lại của đại diện Ngân hàng.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Hội đồng xét xử phúc thẩm và các đương sự đã tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm.

Theo biên bản làm việc ngày 21/12/2017 và tại phiên tòa phúc thẩm, Nguyên đơn đã rút 1 phần yêu cầu khởi kiện về phí tranh tụng và được Bị đơn đồng ý. Nguyên đơn và Bị đơn đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án về phần tranh chấp còn lại và án phí, đề nghị Hội đồng xét xử công nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Kháng cáo của Nguyên đơn là đúng luật theo quy định tại Điều 271, 272, 273 và 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được chấp nhận. Nguyên đơn không rút đơn kháng cáo. Vụ án được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về việc xét xử vắng mặt các đương sự: Đương sự vắng mặt thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án vẫn xét xử phúc thẩm vụ án.

[3] Tài liệu, chứng cứ mới Nguyên đơn cung cấp: Biên bản làm việc ngày 21/12/2017 giữa Nguyên đơn và Bị đơn.

[4] Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc đòi Bị đơn thanh toán chi phí thu hồi nợ, phí tranh tụng số tiền 550.000.000 đồng, được Bị đơn đồng ý. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 299 của Bộ luật Tố tụng dân sự, hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án về phần nội dung này.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm, Nguyên đơn và Bị đơn đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết phần nội dung tranh chấp còn lại trong vụ án. Thỏa thuận của Nguyên đơn và Bị đơn là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Căn cứ Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận này của các đương sự.

[6] Từ những nhận định tại các mục [4], [5], chấp nhận kháng cáo của Nguyên đơn và đề nghị của Kiểm sát viên.

[7] Án phí sơ thẩm: Nguyên đơn, Bị đơn phải chịu theo sự thỏa thuận của các đương sự.

[8] Án phí phúc thẩm: Do các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa phúc thẩm, nên Nguyên đơn kháng cáo phải chịu toàn bộ án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 148, Điều 483, Điều 300, khoản 2, 4 Điều 308, Điều 311 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51 Luật các tổ chức tín dụng năm 1997 được sửa đổi, bổ sung năm 2004; Quyết định số 1627/2010/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng; Điều 6, Điều 26, khoản 5 Điều 29, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn I.
2. Đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu của Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn I đòi Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại và Sản xuất K thanh toán chi phí thu hồi nợ, chi phí tranh tụng số tiền 550.000.000 (năm trăm năm mươi triệu) đồng.
3. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn I.
4. Sửa một phần Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 19/2017/KDTM-ST ngày 11/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ.
5. Công nhận sự thỏa thuận của Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn I và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại và Sản xuất K như sau:
 - 5.1. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại và Sản xuất K có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn I số tiền lãi tính đến ngày 17/4/2013, gồm các khoản: Tiền phạt trên số tiền nợ gốc: 2.543.781.415 (hai tỷ năm trăm bốn mươi ba triệu bảy trăm tám mươi một ngàn bốn trăm mười lăm) đồng và tiền phạt trên số tiền lãi: 354.377.762 (ba trăm năm mươi bốn triệu ba trăm bảy mươi bảy ngàn bảy trăm sáu mươi hai) đồng.
 - 5.2. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại và Sản xuất K có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn I tiền phạt trên số tiền gốc và tiền phạt trên số tiền lãi phát sinh từ ngày 18/04/2013 đến ngày 24/03/2017 theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng

và phụ lục hợp đồng đã được ký kết giữa Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại và Sản xuất K và Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn I.

6. Số tiền còn lại thu được từ việc bán đấu giá các tài sản mà Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại và Sản xuất K đã thế chấp cho Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn I, hiện nay do Cục Thi hành án dân sự tỉnh L đang tạm quản lý, sẽ được xử lý theo quy định của Luật Thi hành án dân sự đề thi hành án cho Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn I.
7. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng và phụ lục hợp đồng đã được ký kết giữa Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại và Sản xuất K và Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn I.
8. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:
 - 8.1. Buộc Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn I phải chịu 26.000.000 (hai mươi sáu triệu) đồng, được khấu trừ vào số tiền 50.981.000 (năm mươi triệu chín trăm tám mươi một ngàn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000412 ngày 04/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ. Hoàn lại cho Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn I 24.981.000 (hai mươi bốn triệu chín trăm tám mươi một ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí còn thừa.
 - 8.2. Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại và Sản xuất K phải chịu 89.963.183 (tám mươi chín triệu chín trăm sáu mươi ba ngàn một trăm tám mươi ba) đồng.
9. Về án phí dân sự phúc thẩm: Buộc Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn I phải chịu 2.000.000 (hai triệu) đồng, được khấu trừ vào 2.000.000 (hai triệu) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001310 ngày 18/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.
10. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.
11. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án là ngày 28 tháng 12 năm 2017./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Đ;
- Cục THADS tỉnh L;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Ngọc Hoàng Đình Thục